

## CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI CỦA HAI NHÀ VĂN TIỀN PHONG NAM BỘ

VÕ VĂN NHƠN<sup>(\*)</sup>

Hồ Biểu Chánh, nhà văn có thể xem nhà là Balzac của Nam Bộ, trong hồi kí *Đời của tôi về văn nghệ* đã cho rằng có ba tác phẩm ảnh hưởng nhiều đến việc chuyển hướng sáng tác của ông. Đó là *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, *Hoàng Tố Anh hàm oan* của Trần Thiên Trung (tức Gilbert Trần Chánh Chiếu) và *Phan Yên ngoại sử* của Trương Duy Toàn<sup>(1)</sup>.

Với các tư liệu đã được công bố, *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản được viết năm 1887 có thể được xem là tác phẩm đầu tiên của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Sinh năm 1865, là học trò và cũng là con rể của Trương Vĩnh Ký, từng đi du học ở Algérie năm 1880 và đã hấp thụ văn hóa phương Tây một cách sâu sắc, Nguyễn Trọng Quản khi viết *Truyện thầy Lazarô Phiền* đã có ý thức về một lối viết mới: “Xưa dân ta chẳng thiếu chi thơ, văn, phú, truyện nói về những đấng anh hùng hào kiệt, những tay tài cao trí cả rồi đó; mà những đấng ấy thuộc về đời xưa chớ đời nay chẳng còn nữa. Bởi đó tôi mới dám bày đặt một truyện đời nay là sự thường có trước mặt ta luôn, như vậy thì sẽ có nhiều người sẽ lấy lòng vui ra mà đọc”<sup>(2)</sup>.

*Truyện thầy Lazarô Phiền* chỉ vồn vện có 32 trang in, nhưng mang trong lòng nhiều yếu tố rất hiện đại. Trước hết, đó là một câu chuyện trong một câu chuyện. Thầy Lazarô Phiền đã thú nhận tội lỗi của mình cho một người bạn đồng hành của mình và tới phiên người đó lại trở thành người tường thuật. Tâm lí của nhân vật chính là đối tượng được miêu tả chớ không phải là sự kiện, hành động. Nhân vật người kể chuyện ở đây được thể hiện ở ngôi thứ nhất. Câu chuyện không được kể theo dòng thời gian một chiều truyền thống. Kết thúc rất bi thảm của câu chuyện cũng rất khác với bố cục hội ngộ - lưu lạc - đoàn viên của văn học truyền thống.

Đặc biệt là rất trung thành với quan niệm “lấy tiếng nói thường mọi người hằng nói ra” nên *Thầy Lazarô Phiền* không hề có một câu văn biền ngẫu. Đây là một quan niệm ông đã tiếp thu từ Trương Vĩnh Ký, người thầy của mình với quan niệm “chọn cách nói tiếng An - nam ròn”<sup>(3)</sup>. Điều này rất có ý nghĩa trong thời điểm đó khi mà chúng ta biết rằng trong *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách viết sau đó 38 năm, trong *Nho Phong* của Nguyễn Tường Tam sau đó gần 40 năm, vẫn còn đầy rẫy các câu văn biền ngẫu. Lại càng có ý nghĩa hơn khi ta biết rằng ở Trung Quốc mãi đến cuối năm 1916 mới bắt đầu có phong trào bỏ văn biền ngẫu, sử dụng bạch thoại như là một phương cách để hiện đại hóa văn học<sup>(4)</sup>.

Nhưng tác phẩm mới mẻ này đã không được quần chúng đón nhận. Nguyễn Văn Trung cho rằng chỉ cái nhan đề của truyện không thôi cũng đủ làm cho độc giả tưởng rằng đây là một truyện đạo và không thèm đếm xỉa đến. Đó là một lí do, cái chính là tác phẩm đã không đáp ứng được thị hiếu của độc giả lúc bấy giờ vốn chưa được chuẩn bị để tiếp nhận một tác phẩm mới lạ đối với họ đến như thế. Độc giả của Nam Bộ, vốn là những người bình dân, xưa nay chỉ quen thưởng thức truyện hoặc bằng thơ lục bát, hoặc bằng văn cổ đối có vần lúc đó khó có thể chấp nhận “cái tiếng nói thường” ấy của Nguyễn Trọng Quản, nhất là đôi khi nó còn mang dáng dấp của những câu văn dịch từ Pháp ngữ. Tâm lí của nhân vật cũng không phù hợp với công chúng bình dân Nam Bộ, chủ đề “phạm tội và sám hối” của Kitô giáo lại càng xa lạ đối với họ. Rồi cái kết thúc của câu chuyện, người Nam Bộ lâu nay quen với quan niệm “ở hiền gặp lành”, quen với kết thúc có hậu của truyện thơ truyền thống, nên khó có thể chấp nhận cái chết của người vợ hiền lành, chung thủy của thầy Phiền, trong khi đó kẻ gây tội ác là tên quan ba lại không bị trừng phạt gì cả.

Sự thất bại của Nguyễn Trọng Quản vì đi trước thời đại làm ta nhớ đến trường hợp cách tân thơ không thành công của Nguyễn Đình Thi trong kháng chiến chống Pháp.

Sau *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, bức tranh của tiểu thuyết Nam Bộ cho tới những năm 30 do đó vẫn là một cảnh tượng ngổn ngang của thời kì quá độ. Nhiều tác giả đã cố gắng học hỏi thi pháp của tiểu thuyết phương Tây nhưng trong tác phẩm của họ vẫn còn mang nhiều dấu vết của thi pháp tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc. *Hoàng Tố Anh hàm oan* của Trần Chánh Chiêu là một ví dụ, vẫn được theo kết cấu chương hồi, kết thúc có hậu. Tác phẩm gây xôn xao dư luận *Hà Hương phong nguyệt* của Lê Hoàng Mưu và các tiểu thuyết của Phạm Minh Kiên vẫn được viết bằng một lối văn xuôi có đối có vần.

Không được công chúng đón nhận, nhưng sau này *Truyện thầy Lazarô Phiền* đã có ảnh hưởng không nhỏ đến giới sáng tác. Trường hợp Hồ Biểu Chánh như đã nói ở trên là một minh chứng. Có người còn cho cốt truyện của *Truyện thầy Lazarô Phiền* cũng đã ảnh hưởng đến tiểu thuyết *Oan kia theo mãi* tức *Ba mươi hai đêm Hồ Cảnh Tiên tự thuật* của Lê Hoàng Mưu, một nhà văn “khét tiếng” thời đó<sup>(5)</sup>. Đi xa hơn, Nguyễn Văn Trung còn ngờ rằng *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản có thể đã gợi hứng cho nhà văn Áo Stefan Zweig khi sáng tác tác phẩm *Amok hay người điên Mã Lai*<sup>(6)</sup>.

So với Nguyễn Trọng Quản, con đường của Hồ Biểu Chánh đến với tiểu thuyết hiện đại có chậm chạp nhưng phù hợp và chắc chắn hơn. Là một trí thức tân học, nhưng vì “nhận thấy muốn viết Việt văn thì cần phải biết chữ Hán, bởi lẽ biết chữ Hán mới có đủ chữ mà dùng và dùng cho khỏi sai nghĩa. Vì thế, ông đã dành gần ba năm để học các sách Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử<sup>(7)</sup>. Chính cái vốn Hán học đã giúp ông sau này tham gia vào phong trào dịch tiểu thuyết Trung Hoa và làm quen với nghệ thuật tiểu thuyết.

Qua thực tiễn sáng tác của mình, Hồ Biểu Chánh thực sự đã trả lời được câu hỏi viết cho ai. Biết rõ thị hiếu của người đọc Nam Bộ lúc đó vẫn còn ưa chuộng truyện thơ viết bằng thể lục bát, vẫn còn thích đọc những gì gần gũi với mình nên ông đã bắt đầu sự nghiệp văn học của mình bằng truyện thơ *U tình lục*, một quyển tiểu thuyết viết bằng văn vần vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của *Truyện Kiều* và cũng rất gần với *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu trong mọi phương diện như đề tài, ngôn ngữ nghệ thuật, bố cục, khuynh hướng tư tưởng...

Tuy vậy *U tình lục* cũng đã có những điểm mới so với truyện thơ cổ điển. Trước hết là nó đã được viết bằng chữ quốc ngữ. Nhân vật của truyện cũng là nhân vật Việt Nam, của Gia Định chứ không phải là vay mượn từ tích truyện của Trung Quốc. Ông miêu tả sự bóc lột tàn ác của bọn chủ người Hoa lai Ấn và lòng tham lam, sự thối nát của bọn địa chủ, của các công chức địa phương. Tình yêu của hai nhân vật chính rất mới mẻ và có những hành động táo bạo vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến. Tác phẩm này đánh dấu giai đoạn quá tuyệt của truyện Nôm cổ điển sang tiểu thuyết hiện đại.

Nhưng rồi tiểu thuyết Pháp và các tác phẩm văn xuôi quốc ngữ đầu tiên đã có sự cuốn hút với ông, đặc biệt là “*Hoàng Tố Anh hàm oan*”, “một tiểu thuyết phong tục với cốt truyện li kì và lời văn bình dị, tác giả theo thuyết nhân quả mà cho người phải chung cuộc được hiển vinh, kẻ quấy cuối cùng chịu quả báo, khiến Hồ Biểu Chánh quyết định viết tiểu thuyết theo đường lối ấy để cảm hóa quần chúng mà đưa họ trở lại con đường nghĩa nhân chính trực”.

Thử nghiệm đầu tiên theo hướng này của Hồ Biểu Chánh là tác phẩm *Ai làm được* viết năm 1912. Cuốn tiểu thuyết văn xuôi đầu tay này của Hồ Biểu Chánh vẫn mang dáng dấp của một truyện tài tử giai nhân truyền thống với một kết thúc có hậu khi hai nhân vật chính Chí Đại và Bạch Tuyết, sau khi vượt bao gian truân, cuối cùng đã đoàn tụ và sắc cảm hòa hiệp.

Nhưng so với truyện thơ truyền thống, *Ai làm được* cũng đã có khá nhiều điều mới mẻ. Ngay nhan đề, dưới hình thức một câu hỏi đã là một điểm mới. Ngôn ngữ của *Ai làm được* thật sự của người Nam Bộ, cụ thể là người Cà Mau. Ngôn ngữ của các nhân vật là ngôn ngữ của cuộc đời thường, không điển tích văn hoa, không chen văn vần vào. Mọi tình của hai nhân vật chính cũng rất đời chứ không quá ràng buộc vào lễ giáo phong kiến. Là một truyện nửa ái tình, nửa phiêu lưu mạo hiểm, *Ai làm được* còn là một bức tranh hiện thực về cuộc sống của người dân Nam Bộ vào đầu thế kỉ.

Cùng với *U tình lục*, *Ai làm được* đã dọn đường cho độc giả Nam Bộ đón nhận một thể văn học mới, đó là tiểu thuyết hiện đại. Đây có lẽ là một tác phẩm có ý nghĩa đối với đời viết văn của Hồ Biểu Chánh nên 10 năm sau, mặc dù đã có khá nhiều tiểu thuyết khác ra mắt bạn đọc, nhưng ông vẫn sửa chữa, nhuận sắc lại tác phẩm này để làm cho nó gần hơn với tiểu thuyết hiện đại. Từ một cuốn truyện với 27 hồi, ông đã rút lại thành sáu chương. Thay vào những câu tóm tắt chuyện ở đầu chương là một con số giản dị. Ông cũng từ bỏ lối kể chuyện một cách hiện đại hơn và thêm nhiều đoạn tả cảnh và nhiều đối thoại để làm cho câu chuyện thêm sinh động.

Sau *Ai làm được* là thời kỳ mô phỏng các tiểu thuyết của Pháp để sáng tác của Hồ Biểu Chánh. Trong hồi kí *Đời của tôi về văn nghệ*, Hồ Biểu Chánh có liệt kê 12 tác phẩm được “viết ra bởi cảm tác phẩm nào của Pháp”, như *Chúa Tàu Kim Quy* là bởi cảm Le Comte de Monte Cristo của A.Dumas, *Cay đắng mùi đời* là từ Sans Famille của Hector Malot,...

Nhưng nếu xem xét kỹ các tác phẩm này, ta thấy Hồ Biểu Chánh không chỉ mô phỏng. *Cay đắng mùi đời* theo theo sát từng nhân vật, từng tình tiết truyện Sans Famille của Hector Malot. Song đến *Ngon cỏ gió đùa*, ta chỉ còn thấy phảng phất bóng dáng truyện Les Misérables của Victor Hugo mà thôi. Và ngay cả trong *Cay đắng mùi đời*, ta vẫn chỉ cảm thấy một không khí Nam Bộ, những tính cách rất Nam Bộ của các nhân vật.

Nhưng Hồ Biểu Chánh không chỉ có các tác phẩm được viết ra do mô phỏng các tác phẩm của Pháp. Ngoài 12 cuốn được nói trên, Hồ Biểu Chánh còn viết trên 50 quyển tiểu thuyết khác, một số lượng tác phẩm đồ sộ so với cuộc đời sáng tác của một nhà văn. Các tiểu thuyết của ông thật sự như một bộ tự điển bách khoa về đời sống xã hội của Nam Bộ trong giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến.

Khác với Nguyễn Trọng Quản, Hồ Biểu Chánh là một nhà văn hiện đại nhưng lại không xa lạ với văn học truyền thống. Tiểu thuyết của ông cơ bản là dựa vào kỹ thuật của tiểu thuyết Phương Tây, nhưng vẫn còn mang ít nhiều tính chất cổ điển và vẫn tiếp nối truyền thống chuyên chở đạo lí, quảng bá đạo đức của văn chương truyền thống. Và điều quan trọng là nó gần gũi với truyền thống, tâm lí của nhân dân Nam Bộ nên đã nhanh chóng đi vào và sống lâu dài trong lòng người đọc Nam Bộ.

Nguyễn Trọng Quản và Hồ Biểu Chánh, hai nhà văn tiêu biểu cho hai con đường đến với tiểu thuyết hiện đại. Một người đã bước quá sớm ra con đường hiện đại rộng lớn nên tất yếu phải cô độc; một người dựa vào truyền thống để từng bước đến với hiện đại nên đã được đồng cảm, chia sẻ. Nhưng đóng góp của hai ông cho sự phát triển của văn học Việt Nam, dù từ con đường nào, cũng rất đáng cho chúng ta trân trọng.

-----  
(\* ) Giảng viên - Khoa Ngữ văn và Báo chí, Trường Đại học KHXH & NV, thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM

#### **Ghi chú:**

(1) (7) (8) (9) Nguyễn Khuê: *Chân dung Hồ Biểu Chánh*. NXB TP.Hồ Chí Minh, 1998 tr.23, 25-26, 143.

(2) (6) Nguyễn Văn Trung: *Những áng văn chương quốc ngữ đầu tiên*. Tài liệu tham khảo sau đại học và năm cuối bậc đại học. Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh Tr. 22-23, 38.

(3) Bằng Giang: *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 - 1930*. NXB trẻ TP.Hồ Chí Minh 1992 tr.334

(4) Nguyễn Hiến Lê: *Văn học Trung Quốc hiện đại*. NXB Văn học, Hà Nội 1993, tr.95.

(5) Bùi Đức Tịnh: *Những bước đầu của báo chí, tiểu thuyết và thơ mới*. NXB TP.Hồ Chí Minh; tr.207

-----  
Nguồn: Tạp chí „Văn Học“ số 3, trang 39, 2000.

